

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai quyết toán ngân sách nhà nước
năm 2017 của tỉnh Đắk Lắk

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk Khóa IX - kỳ họp thứ bảy về phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước năm 2017 của tỉnh Đắk Lắk;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu và thuyết minh quyết toán ngân sách nhà nước năm 2017 của tỉnh Đắk Lắk (*chi tiết theo các biểu mẫu và thuyết minh quyết toán kèm theo*).

Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ Tài chính (b/c);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Cơ quan các đoàn thể của tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Các phòng thuộc VP UBND tỉnh;
- Website tỉnh;
- Lưu: VT, TH, KT (Ch 100b)



CHỦ TỊCH

Phạm Ngọc Nghị

THUYẾT MINH

Quyết toán ngân sách nhà nước năm 2017 của tỉnh Đắk Lắk
(Kèm theo Quyết định số **3631/QĐ-UBND** ngày **28** tháng 12 năm 2018 của UBND tỉnh)

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật ngân sách nhà nước; sau khi xem xét báo cáo tổng quyết toán ngân sách nhà nước năm 2017 do Sở Tài chính lập, Ủy ban nhân dân tỉnh đã trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, phê chuẩn thông qua quyết toán ngân sách nhà nước năm 2017 tại kỳ họp thứ Bảy, khóa IX (Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phê chuẩn tổng quyết toán ngân sách nhà nước năm 2017), cụ thể như sau:

I. Về thu ngân sách nhà nước năm 2017

1. Tổng thu cân đối ngân sách nhà nước trên địa bàn: 5.175.806 triệu đồng, tăng 15% so với dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 26% so với thực hiện năm 2016, bao gồm:

a) Thu nội địa: 5.131.882 triệu đồng, tăng 15% so với dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 26% so với thực hiện năm 2016; trong đó:

- Thu thuế, phí và lệ phí: 3.826.465 triệu đồng, tăng 5% dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 20% so với thực hiện năm 2016;

- Thu biện pháp tài chính: 1.189.411 triệu đồng, tăng 69% so với dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 33% so với thực hiện năm 2016;

- Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết: 116.006 triệu đồng, đạt 101% so với dự toán HĐND tỉnh giao.

b) Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu: 43.924 triệu đồng, tăng 69% so với dự toán HĐND tỉnh giao.

2. Tổng thu cân đối ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp: 4.719.104 triệu đồng (từ nguồn thu nội địa), bao gồm:

- Thu thuế, phí và lệ phí: 3.510.508 triệu đồng;

- Thu biện pháp tài chính: 1.092.590 triệu đồng;

- Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết: 116.006 triệu đồng.

3. Tổng thu ngân sách địa phương: 15.610.208 triệu đồng, tăng 24% so với dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 19% so với năm 2016; bao gồm:

- Thu được hưởng 100% và phân chia giữa các cấp ngân sách: 4.719.104 triệu đồng, tăng 15% so với dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 18% so với thực hiện năm 2016.

- Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương: 9.405.906 triệu đồng, trong đó:

+ Thu bổ sung cân đối ngân sách:	7.346.874 triệu đồng;
+ Thu bổ sung có mục tiêu:	2.059.032 triệu đồng.
- Thu kết dư ngân sách năm trước:	232.029 triệu đồng;
- Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang:	1.177.774 triệu đồng.
- Thu từ các khoản hoàn trả giữa các cấp ngân sách:	50.540 triệu đồng.
- Thu từ các khoản huy động đóng góp:	24.855 triệu đồng.

4. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước năm 2017:

Tổng thu cân đối ngân sách nhà nước năm 2017 trên địa bàn tỉnh vượt dự toán Trung ương và HĐND tỉnh giao (tăng 29% so với dự toán Trung ương giao, tăng 15% so với dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 26% so với thực hiện năm 2016), đây là năm đầu tiên thu cân đối ngân sách nhà nước của tỉnh hoàn thành và vượt dự toán HĐND tỉnh giao kể từ 5 năm trở lại đây (từ năm 2012 đến năm 2016), do các nguyên nhân chủ yếu sau:

a) Nguyên nhân khách quan:

- Tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh đã có chuyển biến tích cực, hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế đều có khởi sắc; thời tiết tương đối thuận lợi cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, đặc biệt là các doanh nghiệp thủy điện.

- Năm 2017, một số chính sách thuế mới có hiệu lực thi hành đã ảnh hưởng tích cực đến nguồn thu ngân sách nhà nước của tỉnh (thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt tăng từ 55% lên 60%, thuế suất thuế tài nguyên tăng từ 4% lên 5%, ...) đã tác động làm tăng nguồn thu cho ngân sách nhà nước trên địa bàn.

b) Nguyên nhân chủ quan:

- Tỉnh đã tập trung chỉ đạo đẩy mạnh hoạt động phát triển sản xuất, kinh doanh, mở rộng thị trường, nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, tạo tiền đề phát triển nguồn thu ổn định, vững chắc cho ngân sách nhà nước.

- UBND tỉnh đã kiện toàn lại Ban Chỉ đạo đơn đốc và chống thất thu ngân sách nhà nước của tỉnh; đã chỉ đạo xây dựng và ban hành 10 Đề án chống thất thu thuế trên địa bàn tỉnh; tổ chức giao ban định kỳ 01 lần/tháng để tập trung rà soát, phân tích, xác định nguyên nhân nợ thuế, từ đó đề ra biện pháp chỉ đạo xử lý nợ đọng thuế, đồng thời xem xét giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc cản trở tháo gỡ trong công tác chống thất thu ngân sách, góp phần quan trọng vào kết quả thu NSNN năm 2017 của tỉnh.

- Cơ quan thuế đã tăng cường theo dõi, kiểm tra, kiểm soát việc kê khai thuế của các tổ chức, cá nhân theo quy định; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra thuế; đẩy mạnh công tác xử lý nợ đọng thuế, đấu tranh phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, trốn thuế, chuyển giá... Thường xuyên nắm chắc đối tượng, nguồn thu ngân sách trên địa bàn; tập trung quản lý và khai thác

nguồn thu thuế ngoài quốc doanh ở các lĩnh vực chưa khai thác hết nguồn thu như: Kinh doanh ăn uống, nhà hàng, khách sạn, dịch vụ vận tải, xây dựng cơ bản tư nhân...

- Đẩy mạnh thu biện pháp tài chính, nhất là thực hiện việc bán đấu giá quyền sử dụng đất, thu tiền chuyển mục đích sử dụng đất; thu nợ tiền đất; triển khai công tác bán nhà thuộc sở hữu nhà nước; tăng cường thu phạt vi phạm hành chính, kịp thời bán đấu giá tài sản tịch thu sung công quỹ nhà nước.

II. Về chi ngân sách địa phương

Tổng quyết toán chi ngân sách địa phương năm 2017 là 15.258.582 triệu đồng; tăng 27% dự toán Trung ương và tăng 21% dự toán HĐND tỉnh giao đầu năm; tăng 18% so với năm 2016. Nguyên nhân tăng chi ngân sách địa phương chủ yếu là do chi từ nguồn kinh phí Trung ương bổ sung có mục tiêu ngoài dự toán giao đầu năm, chi từ kết dư ngân sách năm trước, chi từ chuyển nguồn năm 2016 sang năm 2017...

1. Tổng chi trong cân đối ngân sách địa phương: 11.875.075 triệu đồng, tăng 2% dự toán HĐND tỉnh giao đầu năm, tăng 6% so với năm 2016; cụ thể như sau:

- Chi đầu tư phát triển: 1.964.554 triệu đồng, tăng 50% dự toán Trung ương và tăng 25% dự toán HĐND tỉnh giao đầu năm (nguyên nhân tăng khá cao so với dự toán đầu năm là do chi từ nguồn vốn Trái phiếu Chính phủ Trung ương thực hiện bổ sung có mục tiêu về cho địa phương thực hiện, chi từ chuyển nguồn, nguồn Trung ương bổ sung trong năm...);

- Chi thường xuyên: 9.909.006 triệu đồng, tăng 4% dự toán Trung ương và đạt 101% dự toán HĐND tỉnh giao đầu năm (nguyên nhân tăng do chi từ chuyển nguồn năm 2016 sang năm 2017 và nguồn Trung ương bổ sung ngoài dự toán đầu năm để thực hiện các chính sách...);

- Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương: 1.440 triệu đồng;

- Chi trả nợ lãi: 75 triệu đồng.

2. Chi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia và thực hiện một số mục tiêu nhiệm vụ: 1.477.429 triệu đồng, tăng 45% dự toán Trung ương và dự toán HĐND tỉnh giao đầu năm, cụ thể:

- Chi thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia là 243.212 triệu đồng, tăng 9% dự toán Trung ương và dự toán HĐND tỉnh giao;

- Chi thực hiện một số mục tiêu nhiệm vụ là 1.234.217 triệu đồng, tăng 45% so với dự toán Trung ương và dự toán HĐND tỉnh giao.

3. Chi chuyển nguồn sang năm sau: 1.690.599 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách cấp tỉnh: 1.072.523 triệu đồng;

- Ngân sách cấp huyện: 563.974 triệu đồng;

- Ngân sách cấp xã: 54.102 triệu đồng.

4. Chi nộp ngân sách cấp trên: 56.480 triệu đồng.

5. Chi trả nợ gốc: 159.000 triệu đồng.

Với kết quả thu vượt dự toán HĐND tỉnh giao, ngân sách tỉnh đảm bảo đủ nguồn lực để thực hiện tất cả các nhiệm vụ chi đã được HĐND tỉnh quyết định trong dự toán đầu năm và một số nhiệm vụ chi phát sinh trong năm 2017, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương, thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách do Trung ương và HĐND tỉnh ban hành, tập trung mọi nguồn lực thực hiện cải cách tiền lương, an sinh xã hội, không để xảy ra tình trạng nợ lương và các chính sách, chế độ cho người lao động, đảm bảo kinh phí phục vụ quốc phòng, an ninh, phòng chống khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh ...; ngoài ra, còn bố trí một phần từ nguồn tăng thu năm 2017 để trả nợ vay đầu tư đến hạn cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

III. Kết dư ngân sách địa phương năm 2017: 351.626 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách cấp tỉnh: 2,8 triệu đồng;
- Ngân sách cấp huyện: 242.680 triệu đồng;
- Ngân sách cấp xã: 108.943 triệu đồng.

IV. Xử lý kết dư ngân sách cấp tỉnh năm 2017

Thực hiện theo quy định của Luật ngân sách nhà nước, xử lý kết dư ngân sách cấp tỉnh 2,8 triệu đồng như sau:

- Trích bổ sung Quỹ dự trữ tài chính địa phương (50%);
- Hạch toán thu ngân sách cấp tỉnh năm 2018 (50%).

QUYẾT TOÁN CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NGÂN SÁCH CẤP TỈNH VÀ NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2017

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân tỉnh phê chuẩn)
(Kèm theo Quyết định số 363/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2018 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	DỰ TOÁN			QUYẾT TOÁN									So sánh (%)		
		TỔNG	Trong đó:		Tổng	Trong đó		Trong đó			Trong đó:			Tổng số	Trong đó	
			Đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp		Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	CT MTQG nông thôn mới		CT MTQG giảm nghèo bền vững		Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên		Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên
								Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	Tổng số					
	TỔNG SỐ	292.982	218.611	74.371	243.212	173.841	69.371	151.113	110.433	40.679	92.099	63.408	28.691	83	80	93
I	Ngân sách cấp tỉnh	104.877	71.870	33.007	90.422	59.856	30.565	76.967	56.505	20.463	13.455	3.352	10.103			
1	Ban Dân tộc	11.070	6.628	4.442	6.843	3.352	3.491	-	-	-	6.843	3.352	3.491			
2	Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy	50	-	50	50	-	50	50	-	50	-	-	-			
3	Đài phát thanh truyền hình tỉnh Đắk Lắk	150	-	150	150	-	150	150	-	150	-	-	-			
4	Hội Cựu chiến binh tỉnh Đắk Lắk	50	-	50	50	-	50	50	-	50	-	-	-			
5	Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh Đắk Lắk	85	-	85	85	-	85	85	-	85	-	-	-			
6	Hội Nông dân tỉnh Đắk Lắk	105	-	105	105	-	105	105	-	105	-	-	-			
7	Liên minh Hợp tác xã tỉnh Đắk Lắk	700	-	700	700	-	700	700	-	700	-	-	-			
8	Sở giáo dục và đào tạo	5.652	-	5.652	5.500	-	5.500	5.500	-	5.500	-	-	-			
9	Sở Lao động Thương binh và xã hội	9.122	-	9.122	8.684	-	8.684	5.886	-	5.886	2.799	-	2.799			
10	Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn	7.269	-	7.269	6.652	-	6.652	3.424	-	3.424	3.228	-	3.228			
11	Sở Thông tin và Truyền thông	585	-	585	585	-	585	-	-	-	585	-	585			
12	Sở văn hóa thể thao và du lịch	1.900	-	1.900	1.899	-	1.899	1.899	-	1.899	-	-	-			
13	Tỉnh đoàn thanh niên	150	-	150	147	-	147	147	-	147	-	-	-			
14	UBND huyện Buôn Đôn	216	216	-	189	189	-	189	189	-	-	-	-			
15	UBND huyện Cư Kuin	1.146	1.146	-	1.146	1.146	-	1.146	1.146	-	-	-	-			
16	UBND huyện Cư M'gar	1.150	1.150	-	1.041	1.041	-	1.041	1.041	-	-	-	-			
17	UBND huyện Ea H'leo	131	131	-	131	131	-	131	131	-	-	-	-			
18	UBND huyện Ea Kar	4.758	4.758	-	4.499	4.499	-	4.499	4.499	-	-	-	-			
19	UBND huyện Ea Súp	3.310	3.310	-	3.156	3.156	-	3.156	3.156	-	-	-	-			
20	UBND huyện Krông Ana	2.050	2.050	-	2.050	2.050	-	2.050	2.050	-	-	-	-			
21	UBND huyện Krông Bông	5.366	5.366	-	5.176	5.176	-	5.176	5.176	-	-	-	-			
22	UBND huyện Krông Búk	1.205	1.205	-	1.165	1.165	-	1.165	1.165	-	-	-	-			
23	UBND huyện Krông Năng	361	361	-	358	358	-	358	358	-	-	-	-			
24	UBND huyện Krông Pắc	10.575	10.575	-	5.815	5.815	-	5.815	5.815	-	-	-	-			
25	UBND huyện Lắk	7.952	7.952	-	7.811	7.811	-	7.811	7.811	-	-	-	-			
26	UBND huyện M'Drắk	6.263	6.263	-	6.233	6.233	-	6.233	6.233	-	-	-	-			
27	UBND TP Buôn Ma Thuột	3.000	3.000	-	250	250	-	250	250	-	-	-	-			
28	UBND xã Bình Hòa, huyện Krông Ana	600	600	-	600	600	-	600	600	-	-	-	-			
29	UBND xã Cư Bao, TX Buôn Hồ	170	170	-	170	170	-	170	170	-	-	-	-			
30	UBND xã Cư Drăm, huyện Krông Bông	1.800	1.800	-	1.800	1.800	-	1.800	1.800	-	-	-	-			
31	UBND xã Đắk Nuê, huyện Lắk	550	550	-	550	550	-	550	550	-	-	-	-			
32	UBND xã Dliê Yang, huyện Ea H'leo	1.300	1.300	-	1.300	1.300	-	1.300	1.300	-	-	-	-			
33	UBND xã Ea Bìang, TX Buôn Hồ	440	440	-	440	440	-	440	440	-	-	-	-			
34	UBND xã Ea Kpam, huyện Cư M'gar	400	400	-	400	400	-	400	400	-	-	-	-			

QUYẾT TOÁN CHI BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH CHO NGÂN SÁCH TỈNH HUYỆN NĂM 2017

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân tỉnh phê chuẩn)

(Kèm theo Quyết định số 3631/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2018 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán						Quyết toán						So sánh (%)				
		Tổng số	Bổ sung cân đối ngân sách	Bổ sung có mục tiêu				Tổng số	Bổ sung cân đối ngân sách	Bổ sung có mục tiêu				Tổng số	Bổ sung cân đối ngân sách	Bổ sung có mục tiêu		
				Tổng số	Gồm		Vốn thực hiện các CTMT quốc gia			Tổng số	Gồm		Vốn thực hiện các CTMT quốc gia			Tổng số	Vốn ngoài nước	Vốn trong nước
					Vốn ngoài nước	Vốn trong nước					Vốn ngoài nước	Vốn trong nước						
	TỔNG SỐ	5.257.190	4.884.222	372.968	-	372.968	-	6.094.317	4.884.222	1.210.095	-	1.210.095	188.105	116	100	324		324
1	Tp. Buôn Ma Thuột	56.879	45.949	10.930		10.930		105.577	45.949	59.628		59.628	6.044	186	100	546		546
2	Huyện Ea H'Leo	384.777	361.463	23.314		23.314		430.782	361.463	69.319		69.319	10.066	112	100	297		297
3	Huyện Ea Súp	332.347	306.323	26.024		26.024		382.874	306.323	76.551		76.551	14.421	115	100	294		294
4	Huyện Krông Năng	407.041	385.186	21.855		21.855		461.297	385.186	76.111		76.111	15.803	113	100	348		348
5	Thị Xã Buôn Hồ	295.515	282.073	13.442		13.442		324.330	282.073	42.257		42.257	4.838	110	100	314		314
6	Huyện Buôn Đôn	295.668	273.147	22.521		22.521		340.288	273.147	67.141		67.141	12.974	115	100	298		298
7	Huyện Cư M'gar	501.667	467.056	34.611		34.611		558.016	467.056	90.960		90.960	18.212	111	100	263		263
8	Huyện Ea Kar	423.219	396.530	26.689		26.689		497.193	396.530	100.663		100.663	13.225	117	100	377		377
9	Huyện M'Đrăk	310.443	283.293	27.150		27.150		394.276	283.293	110.983		110.983	24.066	127	100	409		409
10	Huyện Krông Păk	666.336	635.736	30.600		30.600		737.603	635.736	101.867		101.867	16.695	111	100	333		333
11	Huyện Krông Ana	318.552	290.717	27.835		27.835		380.757	290.717	90.040		90.040	6.246	120	100	323		323
12	Huyện Krông Bông	363.426	333.823	29.603		29.603		425.560	333.823	91.737		91.737	16.504	117	100	310		310
13	Huyện Lắk	314.056	282.519	31.537		31.537		374.156	282.519	91.637		91.637	14.053	119	100	291		291
14	Huyện Cư Kuin	373.282	347.157	26.125		26.125		418.936	347.157	71.779		71.779	6.087	112	100	275		275
15	Huyện Krông Búk	213.982	193.250	20.732		20.732		262.672	193.250	69.422		69.422	8.871	123	100	335		335